

Ngôi chùa Hà Nội ngày nay

NGUYỄN ĐỨC SỰ^(*)

Ngôi chùa Hà Nội ngày nay⁽¹⁾ hầu hết là những ngôi chùa của Hà Nội ngày xưa được tu bổ lại. Nó phụ thuộc vào nguồn gốc ra đời của từng ngôi chùa và phụ thuộc vào niềm tin tôn giáo với quan điểm thẩm mỹ của người Hà Nội ngày xưa qua các thời kì lịch sử. Các ngôi chùa Hà Nội xuất hiện rải rác suốt từ thời Bắc thuộc, qua các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn cho đến ngày Hà Nội được giải phóng vào năm 1954. Tuy nhiên, phần nhiều các ngôi chùa Hà Nội được xây dựng vào thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn.

Xét về mặt nguồn gốc, các ngôi chùa ở Hà Nội lúc đầu vốn là chùa làng, chùa tư nhân, chùa của triều đình phong kiến (quốc tự) rồi dần dần chuyển thành chùa phố. Một số ngôi chùa Hà Nội được gọi là quốc tự là vì ngôi chùa đó do triều đình lập ra và có sắc chỉ công nhận là quốc tự như các chùa Diên Hựu (Một Cột), Trấn Quốc, Ngọc Hồ. Về sau hầu hết các ngôi chùa đó không còn là quốc tự nữa, vì các vương triều kế tiếp không có sắc chỉ công nhận đó là quốc tự. Như triều Nguyễn có sắc chỉ công nhận một loạt các chùa ở Huế là quốc tự, nhưng lại không có sắc chỉ công nhận một chùa nào ở Hà Nội là quốc tự cả.

Còn chùa tư nhân cũng chỉ là điểm xuất phát ban đầu. Ít lâu sau, ngôi chùa tư nhân đó trở thành chùa phố. Vì quyền

sở hữu và quyền quản lí ngôi chùa không còn là của tư nhân nữa. Ở các quận nội thành Hà Nội, nhiều ngôi chùa xưa kia vốn là chùa làng thì giờ đây cũng là chùa phố cả, vì nó gắn với sinh hoạt của cư dân khu phố. Ở các làng ngoại thành, hoặc ở các phường ven đô mới chớm đô thị hoá nhưng vẫn theo lệ thói của làng xưa, thì những ngôi chùa ở đây vẫn là chùa làng. Mỗi làng một chùa, nhưng cũng có làng có hai ba chùa, như làng Cổ Nhuế có ba chùa gắn với bốn thôn.

Với nguồn gốc xuất phát như trên, các chùa Hà Nội về mặt cảnh quan và kiến trúc bao giờ cũng gắn với làng, với phố. Ở mỗi làng, ngôi chùa thường được xây ở một vị trí thuận lợi cho việc đi lại và thường gắn với ngôi đình thờ thành hoàng. Đình và chùa là trung tâm văn hoá của làng xã. Ở đó, không chỉ có tế lễ mà còn có hội hè, có sinh hoạt văn hoá cộng đồng của làng xã. Khi đã là chùa phố thì mái chùa, tường chùa thường liền dãy nhà dân không có khuôn viên tách biệt. Những ngôi chùa Hà Nội tuy có một số nét khác biệt với nhà ở cư dân, nhưng về dáng vóc từ tường nhà đến mái ngói của chùa thường mộc mạc đơn giản tương tự như nhà ở dân phố chung

*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Những ngôi chùa Hà Nội ở đây chưa kể đến những ngôi chùa của tỉnh Hà Tây cũ mới sáp nhập về Hà Nội.

quanh. Cho nên ngôi chùa đã hòa vào quang cảnh chung của nhà cửa phố phường.

Đa số các chùa Hà Nội kiến trúc theo kiểu chữ Đinh (丁). Ngoài ra có một số chùa được xây theo kiểu chữ Công (工) và chữ (三). Phía trước tiền đường là một cái sân gạch rộng. Đây là một địa bàn dành cho hội chùa và sinh hoạt cộng đồng của những tín đồ và những người di dự hội chùa. Cây cảnh thường chỉ được trồng ở quanh sân, ở trước và sau cổng chùa. Khoảng cách giữa tòa tam bảo với nhà tổ và tầng phòng không rộng. Ở một số chùa có đặt núi non bộ nhỏ và hàng cây cảnh trước nhà tổ. Trong khi đó, những ngôi chùa được xây theo kiểu chữ khẩu (囗) ở Huế và Thành phố Hồ Chí Minh, thì phần sân rộng đưa về phía sau tòa tam bảo, nằm gọn trong lòng chữ khẩu và biến thành vườn hoa cây cảnh đẹp mắt.

Hiện nay, tổng số chùa ở Hà Nội (chưa kể số chùa của tỉnh Hà Tây cũ mới sáp nhập về Hà Nội) khoảng độ gần 600 ngôi. Con số thống kê này là kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Tôn giáo vào những năm cuối thế kỉ XX. Nó có tính chất tương đối vì trong thời gian qua địa dư của một số quận huyện ở Hà Nội cũng có biến động. Theo Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội, thì số chùa của Hà Nội năm 2000 có tăng hơn số chùa ở Hà Nội năm 1995 khoảng vài ba chục ngôi chùa, mà chủ yếu là ở các huyện ngoại thành. Đây không phải là những ngôi chùa xây mới hoàn toàn mà là những ngôi chùa được phục chế lại, hoặc xây dựng lại trên

nền cũ của ngôi chùa đã đổ nát từ hồi kháng chiến chống Pháp.

Sự phân bố các ngôi chùa ở Hà Nội có những nét đáng chú ý. Ở một quận trung tâm và đông dân nhất Hà Nội, bao gồm những phố cổ là quận Hoàn Kiếm lại có số chùa ít nhất (16 chùa). Trong khi đó, ở các quận nội thành khác thì mỗi quận có tới trên dưới 30 chùa. Nếu so với số chùa ở các huyện ngoại thành thì số chùa của các quận nội thành quá ít. Gần hai triệu người của các quận nội thành mà chỉ có trên 100 ngôi chùa. Trái lại, khi Hà Tây chưa sáp nhập vào Hà Nội thì dân ở các huyện ngoại thành ít hơn nhiều, chỉ bằng gần nửa dân số nội thành mà lại có số chùa gấp tới 4 lần số chùa nội thành.

Các ngôi chùa ở Hà Nội có sự phân bố như vậy là phụ thuộc vào nguồn gốc ra đời của các ngôi chùa Hà Nội từ trước năm 1945, trong đó phần nhiều là từ chùa làng chuyển thành chùa phố. Khi phố phường đã đông đúc và ổn định thì ít khi người ta xây thêm chùa mới. Nghĩa là số chùa ở các quận nội thành Hà Nội gần như cố định trong khi đó dân số ở đây tăng lên rất nhanh theo nhịp phát triển của thành phố.

Trước ngày Đổi Mới (1986), các ngôi chùa Hà Nội đa số ở tình trạng xuống cấp, đổ nát, rêu phong. Vì từ năm 1954, các ngôi chùa đó không được tu bổ. Có ngôi chùa từ 1945 đến cuối thập niên 1980 không hề có sửa chữa và chống xuống cấp. Thậm chí có ngôi chùa thiếu sư, hoặc chỉ có một sư già yếu trụ trì, nên không có ai quét tước, lau chùi, trồng cây và bảo vệ cây cối trong chùa. Khuôn viên của những ngôi chùa bị lấn chiếm. Dân

phố bên cạnh chùa có cả người ở xa chùa dọn nhà hẳn vào sân chùa, vườn chùa, bãi tháp. Tường chùa có chỗ bị phá. Hễ có mảnh đất trống nào ở ven chùa người ta tranh nhau lấn chiếm. Như chùa Liên Phái thì sân chùa, bãi tháp, nhất là xung quanh tháp Cửu phẩm với tấm bia và hàng cây trước chùa đều bị lấn chiếm. Người ta làm nhà sát tới thêm lên Tiền Đường. Ở nhiều chùa khác như chùa Hòe Nhại, chùa Châu Long, chùa Phúc Khánh, chùa Quang Hoa, chùa Thiền Quang, v.v... cũng có sự lấn chiếm khuôn viên nhà chùa như vậy.

Sở dĩ có tình trạng lấn chiếm đất đai và khuôn viên của nhà chùa là vì trong các thập niên 60 và 70 của thế kỷ XX, niềm tin vào Phật giáo của nhân dân xuống thấp, ít người đi lễ chùa. Nhiều ngôi chùa vắng vẻ, cũ nát không có sư trông coi. Mà những ngôi chùa có sư trụ trì thì sư mặc cảm về thân phận của mình nên không muốn và không dám phản đối sự lấn chiếm. Còn chính quyền tuy không phá bỏ các chùa, không khuyến khích sự lấn chiếm nhà chùa, nhưng lại không có biện pháp ngăn chặn, thậm chí còn bỏ qua không xử phạt những hành vi lấn chiếm đó.

Trong những năm gần đây, các ngôi chùa ở Hà Nội hầu như đều có nhu cầu tu bổ sửa sang. Được chính quyền cấp phép, nhiều ngôi chùa tiến hành tu bổ sửa chữa. Tùy theo khả năng kinh phí mà công việc tu bổ sửa chữa đó được tiến hành ở mức độ khác nhau. Phần nhiều là tòa Tam Bảo, tòa Thiệu Hương và Tiền Đường chỉ thực hiện việc chống xuống cấp, chỗ nào gỗ mục thì thay, chỗ nào dột nát thì sửa. Còn việc xây thêm

và có những tu bổ lớn thường được tiến hành ở khu phụ của chùa như nhà tổ, tầng phòng, phòng khách, khu dịch vụ. Chính tại khu phụ của một số ít chùa đã xây nhà hai tầng và trang bị những tiện nghi sinh hoạt đất tiền như máy điều hòa nhiệt độ, salông mới, v.v... Chùa Quán Sứ vừa là trụ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa là địa điểm của Trường Cao đẳng Phật học và Phân viện Phật học, nên đã xây thêm nhà hai tầng ở hai bên chùa. Ở chùa Liên Phái sau khi giải tỏa sự lấn chiếm đất ở phía trước chùa quanh tháp Cửu Phẩm và phía cổng chùa giáp đường đi, sư trụ trì nhà chùa cùng với chính quyền địa phương đã sửa sang lại tháp Cửu Phẩm, nhà bia, phòng khách, xây vườn hoa trước Tiền Đường và sửa sang những đồ tự khí trong chùa.

Việc tu bổ, sửa sang chùa chiền ở Hà Nội hiện nay vừa muốn giữ những nét cổ xưa lại vừa có xu hướng “hiện đại hóa”, làm mất vẻ trang nghiêm cổ kính. Đó là một thứ thị hiếu thẩm mỹ nảy sinh trong thời kinh tế thị trường, do đó cần được uốn nắn và chỉ đạo. Trong khi đó, sự quản lý của nhà nước đối với việc tu bổ sửa sang di tích thường là chặt chẽ về mặt hành chính mà buông lỏng về nguyên tắc và kiểu dáng kiến trúc.

Trong mỗi ngôi chùa, đáng chú ý nhất là tượng Phật và ban thờ Phật. Cái quan niệm trừu tượng về sự giác ngộ của đạo Phật được hình tượng hoá thành các tượng Phật, trước hết là tượng Phật tổ Thích ca Mâu ni, rồi đến tượng Phật A Di Đà, tượng Phật Tam Thế và các chư Phật. Các tượng Phật chính là biểu tượng thiêng liêng để các tín đồ chiêm ngưỡng,

tôn kính, cầu khẩn, gửi gắm niềm tin và có mục tiêu để hướng tới trên con đường tu hành.

Ở các ngôi chùa Hà Nội, tượng Phật Thích ca Mâu ni được đặt ở vị trí trung tâm giữa thượng điện sau hương án. Tại thượng điện trên cao nhất là tượng Phật Tam thế. Tiếp đến hàng thứ hai có tượng Phật A Di Đà ở giữa, bên phải có tượng Đại Thế Chí Bồ Tát, bên trái có tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Đến hàng thứ ba, ở giữa là tượng Phật tổ Thích ca Mâu ni, bên phải là tượng Phổ Hiền Bồ Tát, bên trái là tượng Văn Thù Bồ Tát. Ở một số chùa, tượng Phổ Hiền Bồ Tát và tượng Văn Thù Bồ Tát ở hàng thứ ba được thay bằng tượng Ca Diếp và tượng A Nan Đà; Hàng thứ tư giáp hương án là tượng Thích Ca sơ sinh.

Hệ thống tượng Phật được sắp đặt như trên gần như phổ biến ở nhiều ngôi chùa Hà Nội. Hệ thống đó là cái cốt lõi của toàn bộ tượng Phật được bố trí ở chính điện tại tòa nhà Tam Bảo. Đa số các chùa Hà Nội giữ nguyên hệ thống đó, rồi mỗi chùa lại tăng thêm tượng Phật ở phía trước và hai bên hệ thống đó theo những hướng khác nhau. Có chùa đã để xen vào hệ thống đó tượng Dược Sư, tượng Phật Di Lặc và bố trí hai bên tượng Phật Thích Ca sơ sinh hoặc tượng Đế Thích, Thiên Vương hoặc là tượng Thánh Tăng, Phạm Thiên. Ở hai bên chính điện phía trong hoặc là tượng Thanh Tịnh Bồ Tát, Mục Kiền Liên hoặc là tượng Quan Âm Chuẩn Đề và tượng Địa Tạng. Có nơi đặt tượng Quan Âm Chuẩn Đề ngay trước hương án như chùa Quang Hoa, chùa Liên Phái. Cũng ở hai bên chính điện

phía ngoài, có nơi đặt thêm mỗi bên 9 tượng La Hán. Còn ở tòa Thiêu Hương, thì mỗi chùa bố trí tượng Phật theo một cách riêng. Đằng sau tòa Tam Bảo là nhà tổ thờ các sư tổ của chùa và những vị bồ tát hay cao tăng đứng đầu hệ phái. Tuy nhiên, ở một số chùa tại nhà tổ còn đặt cả tượng Phật A Di Đà và tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, thậm chí còn dành cả một gian để thờ Mẫu, nếu như chùa đó không có điện thờ Mẫu riêng.

Trên các ban thờ ở các ngôi chùa Hà Nội, ngoài tượng Phật Thích ca Mâu ni giữ vị trí trung tâm ra, người ta thường thấy nổi bật lên tượng Phật A Di Đà và tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Tượng Phật A Di Đà to hơn cả và đặt chính giữa, trước tượng Phật Tam thế. Có một số chùa, ở nhà tổ cũng đặt thêm tượng A Di Đà. Còn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát nổi nhất trong chùa khiến mọi người phải chú ý. Ngoài bức tượng Quán Thế Âm đặt cạnh tượng A Di Đà ra, còn có tượng Quán Thế Âm Chuẩn Đề (nhiều tay). Ở chùa Quán Sứ và chùa Liên Phái, tượng Phật Quán Thế Âm Chuẩn Đề trước để phía trong nay đưa hẳn ra phía ngoài trực tiếp với những người đi lễ chùa. Riêng chùa Quán Sứ còn bố trí thêm một phòng bên cạnh nhà tổ để đặt bức tượng Quán Thế Âm cao trên 2m màu trắng ở tư thế đứng, tay cầm bình cam lộ. Một số ngôi chùa ở huyện Từ Liêm còn xin phép chính quyền cho đặt tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ở ngoài trời.

Sự nổi bật của tượng Phật A Di Đà và tượng Quán Thế Âm Bồ Tát chứng tỏ các tín đồ Phật giáo có xu hướng tu theo Tịnh độ tông và những người đến lễ chùa thường mong đợi sự phù hộ, độ trì, cứu

khổ, cứu nạn của một vị bồ tát đại từ đại bi như Quán Thế Âm. Điều đó thể hiện rõ ràng tính dân gian của Phật giáo Hà Nội.

Một điều đáng lưu ý nữa là, ở hầu hết các ngôi chùa Hà Nội đều có gian thờ Mẫu. Nhiều ngôi chùa có điện thờ Mẫu riêng được trang hoàng long lẫy, uy nghiêm. Ở một số chùa, điện thờ Mẫu có sức hút tín đồ nhiều hơn là điện thờ Phật ở tòa Tam Bảo.

Việc thờ Mẫu được đưa vào các ngôi chùa Hà Nội từ các thế kỷ trước và đến nay vẫn còn là nhu cầu của một số không ít tín đồ. Để đáp ứng nhu cầu đó, chùa Một Cột đã xin phép cho được xây dựng một khu nhà thờ Mẫu với lí do, đó là ý nguyện của chư tăng Phật tử chùa Một Cột. Có một số ngôi chùa như chùa Thiền Quang, chùa Xã Đàn khi tiến hành tu bổ thì ưu tiên xây dựng gian thờ Mẫu.

Đến các ngôi chùa Hà Nội, người ta còn thấy dấu ấn của lịch sử khá rõ. Đó là ở một số ngôi chùa, ngoài việc thờ Phật còn thờ các nhân vật lịch sử. Ví dụ, chùa Láng có tượng Lý Thần Tông; Chùa Sét có tượng Đặng Thị Ngọc Dao; Chùa Huy Văn có tượng Lê Thánh Tông và Quang Phục Hoàng hậu; Chùa Lý Quốc Sư có tượng Minh Không, tượng Từ Đạo Hạnh; Chùa Hoàng Ân có tượng Nguyễn Kim, tượng Nguyễn Hoàng và tượng Nguyễn Thị Ngọc Tú (chính phi Trịnh Tráng).

Nhưng dấu ấn của lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc không chỉ thu

hẹp ở việc thờ các nhân vật lịch sử dưới mái chùa, mà còn thể hiện giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mĩ của công trình kiến trúc chùa tháp, của các pho tượng Phật cùng với những bức chạm khắc, những bức phù điêu và sự bài trí tượng Phật trong chùa. Chính vì thế mà không ít những ngôi chùa ở Hà Nội được xếp hạng là di tích văn hóa cấp quốc gia và cấp thành phố.

Ngày nay, sinh hoạt tôn giáo dưới mái chùa Hà Nội cũng nhộn nhịp hơn trước. Nhưng ngày lễ trọng như lễ Phật đản, lễ Phật nhập Niết Bàn, lễ Vu Lan, rồi những ngày sóc ngày vọng hằng tháng, nhất là những tháng đầu năm, những ngày giỗ tổ của mỗi ngôi chùa, số người lên chùa dự các khóa lễ tụng kinh niệm Phật ngày càng đông. Nhiều gia đình khi tổ chức tang lễ cho người thân đã đưa bát hương lên chùa nhờ các nhà sư làm lễ và cúng giỗ tại chùa để linh hồn người chết được nương nhờ cửa Phật. Không những thế, vào các ngày nghỉ, đặc biệt các ngày nghỉ của mùa xuân, khách thập phương đến văn cảnh chùa để tìm hiểu một di tích văn hoá hoặc để thư giãn tinh thần sau một thời gian làm việc căng thẳng. Đó là những hiện tượng thường gặp ở ngôi chùa Hà Nội. /.